

Số: 21/2020/QĐST-HNGĐ

Y, ngày 22 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị L; sinh năm 1989; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng.

Địa chỉ: Thôn Nà V, xã L Và Ch, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình N; sinh năm: 1991; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày;

Địa chỉ: Thôn Nà S, xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị L và anh Nguyễn Đình N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Nguyễn Đình N nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Nguyễn Đình N thoả thuận anh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đình B, sinh ngày

30/7/2015 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày 22/9/2020.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lò Thị L và anh Nguyễn Đình N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chấp nhận đơn xin miễn án phí của chị Lò Thị L, do là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên chị được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Đình N phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA DS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh